

病気・障がい証明書 令和9年度用（ベトナム語）

Giấy chứng nhận bệnh tật / khuyết tật (Dùng cho niên độ 2027)

裏面の記入要領を確認し、下記の該当する箇所を記入してください。

Vui lòng kiểm tra hướng dẫn điền ở mặt sau và điền vào các mục tương ứng dưới đây.



① 保護者記入欄 Phần dành cho phụ huynh điền	児童名 Họ tên trẻ		生年月日 Ngày tháng năm sinh		学齢 Độ tuổi đi học		園名 Tên trường mầm non	
			年 月 日 Năm Tháng Ngày		歳児 Lớp tuổi		園 Trường mầm non	
			年 月 日 Năm Tháng Ngày		歳児 Lớp tuổi		園 Trường mầm non	
			年 月 日 Năm Tháng Ngày		歳児 Lớp tuổi		園 Trường mầm non	
	保護者氏名 Họ tên phụ huynh							
	児童から見た保護者の続柄 Quan hệ với trẻ		☐ 1 父 1 Cha ☐ 2 母 2 Mẹ ☐ 3 祖父 3 Ông ☐ 4 祖母 4 Bà ☐ 5 その他 () 5 Khác ()					
添付書類の有無 ※裏面参照 Có / Không có tài liệu đính kèm ※Tham khảo mặt sau		対象者の要介護認定区分が要介護3・4・5とわかる書類又は身体障がい者手帳1・2級、精神障がい者手帳1級、療育手帳A判定とわかる書類 Tài liệu chứng minh mức độ cần chăm sóc là cấp 3/4/5 hoặc Sổ tay người khuyết tật thể chất cấp 1/2, Sổ tay người khuyết tật tâm thần cấp 1, Sổ tay người khuyết tật trí tuệ mức A ☐ 有 Có ☐ 無 Không						

② 医師記入欄 Phần dành cho bác sĩ điền	項目	記入欄	
	医師が記入する場合		
	対象者氏名	児童から見た対象者の続柄 ☐ 1 父 ☐ 4 祖母 ☐ 2 母 ☐ 5 その他 () ☐ 3 祖父	
	生年月日	年 月 日	
	病名		
	対象者の病気の状況	上記の対象者は、上記の病気のため、児童の保育について、 ☐ 1 不可能と認める(入院を要するため)。 ☐ 2 短時間でも不可能と認める。 ☐ 3 療養のため、できるだけ避けたほうが好ましい。 ----- 【保育できないと見込まれる期間】 令和 年 月 日から 令和 年 月 日まで	
	看護・介護の必要の有無 ※下記参照	上記対象者について、看護・介護の必要は、 ☐ ない ☐ ある（常に介護を必要としないが、時々介護を要することがあると認める。） ☐ ある（常に介護・観察が必要と認める） ----- 【介護を必要とする期間】※上記で看護・介護の必要があると記載した場合のみ記入 令和 年 月 日から 令和 年 月 日まで	
上記のとおり診断します。 令和 年 月 日 病院（医院）所在地： 病院（医院）名： 医師氏名： 電話番号：			

③ 保護者申立欄 Phần khai báo của phụ huynh	障がい者手帳がある場合 Trường hợp có Sổ tay người khuyết tật	
	対象者氏名 Họ tên đối tượng	児童から見た対象者との続柄 Quan hệ với trẻ ☐ 1 父 Cha ☐ 4 祖母 Bà ☐ 2 母 Mẹ ☐ 5 その他 Khác () ☐ 3 祖父 Ông
	生年月日 Ngày tháng năm sinh	年 月 日
手帳の種類 Loại sổ tay		該当する手帳にチェックを記入し、手帳のコピーを本書類にホチキス止めて添付してください。 Vui lòng đánh dấu vào loại sổ tay tương ứng và đính kèm bản sao bằng ghim kẹp vào bản gốc. ☐ 身体障がい者手帳（1級・2級・3級） Sổ tay người khuyết tật thể chất (Cấp 1/2/3) ☐ 療育手帳（A判定・B判定） Sổ tay người khuyết tật trí tuệ (Mức A/B) ☐ 精神障がい者保健福祉手帳 Sổ tay phúc lợi người khuyết tật tâm thần

※ 保護者が「病気・障がい要件」と「看護・介護要件」に該当し、双方を同一の医師が証明する場合の「看護・介護証明書」は、医師が証明した「病気・障がい証明書」と一緒に提出する場合に限り、保護者記入欄の記載のみのものでも有効とします（例：母が病気で、父が母の看護をする場合）。ただし、「病気・障がい証明書」に「看護・介護の必要はない」と記載されている場合は、看護・介護要件には該当しません。

Trong trường hợp phụ huynh thuộc cả "yêu cầu bệnh tật/khuyết tật" và "yêu cầu chăm sóc/điều dưỡng", và cùng một bác sĩ chứng nhận cả hai, "Giấy chứng nhận chăm sóc/điều dưỡng" chỉ có hiệu lực khi nộp cùng với "Giấy chứng nhận bệnh tật/khuyết tật" do bác sĩ chứng nhận, ngay cả khi chỉ điền phần dành cho phụ huynh (Ví dụ: mẹ bị bệnh và cha chăm sóc mẹ). Tuy nhiên, nếu trong "Giấy chứng nhận bệnh tật/khuyết tật" ghi rằng "không cần chăm sóc/điều dưỡng", thì không thuộc diện chăm sóc/điều dưỡng.

園記入欄 Phần dành cho trường mầm non điền	園コード	整理番号	学齢	歳児	受付日	令和 年 月 日
提出理由	1. 入園希望 2. 要件変更 3. その他 ()					

【C Hướng dẫn điền Giấy chứng nhận bệnh tật/khuyết tật】

医師の方へ　Dành cho bác sĩ

この証明書は、こども園等の利用に当たり、児童の家庭状況を把握するためのものです。
この証明書の必要な箇所への記入をするか、同内容を具備する診断書等での証明をお願いします。

Dành cho phụ huynh

- ・Để quản lý phù hợp, chúng tôi có thể xác minh nội dung.
- ・Phụ huynh không được tự ý sửa đổi nội dung do bác sĩ điền.
- ・Nếu có thay đổi về nội dung chứng nhận, vui lòng thông báo ngay cho trường mầm non.
- ・Do có thông tin cá nhân, vui lòng bỏ vào phong bì khi nộp nếu cần thiết.
- ・Nội dung được điền chỉ được sử dụng để xác nhận điều kiện tiêu chuẩn nhập học.

【Quy trình điền　記入の流れ】

<Trường hợp bác sĩ điền　医師が記入する場合>

1. 保護者が①保護者記入欄を記入する。
Phụ huynh điền mục ① Phần dành cho phụ huynh điền.
2. 医師に②医師記入欄の記入を依頼する。
Yêu cầu bác sĩ điền mục ② Phần dành cho bác sĩ điền.
※②医師記入欄の記入を依頼する場合は、③保護者申立欄の記入は不要。
※Trường hợp điền mục ② Phần dành cho bác sĩ điền, không cần điền mục ③ Phần khai báo của phụ huynh..

<Trường hợp có Sổ tay người khuyết tật　障がい者手帳がある場合>

1. Phụ huynh điền mục ① Phần dành cho phụ huynh điền.
 2. Phụ huynh điền mục ③ Phần khai báo của phụ huynh.
 3. Đính kèm bản sao Sổ tay người khuyết tật bằng ghim kẹp.
- ※Trường hợp đính kèm bản sao Sổ tay người khuyết tật thì không cần điền mục ② Phần dành cho bác sĩ điền.

記入内容・方法については以下のとおりとする。

Nội dung và cách điền như sau:

<① Phần dành cho phụ huynh điền　保護者記入欄>

Họ tên trẻ

Về tên trường mầm non, nếu muốn nhập học/chuyển trường, điền tên trường nguyện vọng 1; nếu đang học tại trường, điền tên trường hiện tại.

Trường hợp có anh chị em, điền tên các trẻ vào cùng cột tên (không cần nộp nhiều tờ).

Tuy nhiên, trường hợp đăng ký nhập học giữa năm, nếu có cả trẻ đang học và trẻ muốn nhập học mới thì cần nộp giấy chứng nhận riêng, trẻ đang học nộp cho trường mầm non, trẻ muốn nhập học thì nộp cho Phòng Chăm sóc trẻ em (có thể nộp bản sao).

Họ tên phụ huynh

Điền họ tên phụ huynh thuộc diện yêu cầu và chọn quan hệ phù hợp.

Có / Không có tài liệu đính kèm

Việc đính kèm tài liệu chứng minh mức độ cần chăm sóc là cấp 3/4/5 hoặc Sổ tay người khuyết tật thể chất cấp 1/2, Sổ tay người khuyết tật tâm thần cấp 1, Sổ tay người khuyết tật trí tuệ mức A sẽ nâng cao thứ tự ưu tiên khi xét tuyển nhập học.

Đánh dấu "Có" nếu nộp, "Không" nếu không nộp.

<② 医師記入欄（Phần dành cho bác sĩ điền）>

保育ができないと見込まれる期間

「保育ができないと見込まれる期間」は病気等の完治日ではない。

※「保育ができないと見込まれる期間」は必ず始期と終期を記載すること。

介護・看護の必要の有無

対象者の看護・介護の必要性について、当てはまる項目にチェックを記入する。

介護を必要とする期間

看護・介護の必要性がある場合に記入する。

「介護を必要とする期間」は病気等の完治日ではない。

※「介護を必要とする期間」は必ず始期と終期を記載すること。

証明書発行機関の証明欄

医師が記入する（押印不要）。

<③ Phần khai báo của phụ huynh　保護者申立欄>

Điền trong trường hợp có các Sổ tay người khuyết tật sau (không cần điền mục ② Phần dành cho bác sĩ điền)

- ・Sổ tay người khuyết tật thể chất (chỉ áp dụng cho cấp 1/2/3)
- ・Sổ tay người khuyết tật trí tuệ (chỉ áp dụng cho mức A/B)
- ・Sổ tay phúc lợi người khuyết tật tâm thần

Họ tên và ngày sinh của đối tượng

Điền họ tên và ngày sinh của phụ huynh là đối tượng.

Quan hệ với trẻ

Đánh dấu vào quan hệ giữa trẻ và phụ huynh là đối tượng.

Loại sổ tay

Trường hợp có Sổ tay người khuyết tật, đánh dấu vào loại sổ tay tương ứng và đính kèm bản sao vào tài liệu này.

Liên hệ: Phòng Chăm sóc trẻ em, Tòa thị chính thành phố Toyota
Số điện thoại trực tiếp: 0565-34-6809